

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH G**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 12/2022/DS-ST
Ngày 28 tháng 6 năm 2022
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Xuân Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Ngọc Diệp
2. Ông Lưu Thông

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Quang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Minh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 05/2022/TLST-DS ngày 17/02/2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2022/QĐST-DS ngày 07/6/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1959 và Nguyễn Thị L, sinh năm 1966. Địa chỉ: Thôn 3, xã H, huyện Đ, tỉnh G.

Bà Nguyễn Thị L ủy quyền cho ông Phạm Văn T tham gia tố tụng (Theo giấy ủy quyền được công chứng ngày 28/03/2022). Có mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Quốc T, sinh năm 1976 và bà Phạm Thị L, sinh năm 1981. Địa chỉ: Thôn 1, xã H, huyện Đ, tỉnh G. Ông T, bà L vắng mặt lần thứ 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, trình bày tại các bản khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:*

Vào ngày 26/5/2019 vợ chồng ông là Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị L (là nguyên đơn) đã cho vợ chồng ông Lê Quốc T và bà Phạm Thị L (bị đơn) vay số tiền là 210.000.000 đồng (Hai trăm mười triệu đồng), bị đơn cam kết trả nợ số tiền vay cho nguyên đơn chậm nhất đến ngày 26/6/2019 nhưng đến nay bị đơn không chịu trả, việc vay tiền trên các bên đều có ký xác nhận của vợ chồng ông, bà và vợ chồng ông Th, bà L tại “*Giấy vay tiền ghi ngày 26/5/2019*”. Mặc dù nguyên đơn

nhiều lần đòi nợ nhưng bị đơn không chịu trả. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả số tiền gốc đã vay là 210.000.000 đồng (Hai trăm mười triệu đồng) và tiền lãi chậm trả với lãi suất 10%/năm, tính từ ngày 27/6/2019 cho đến khi giải quyết xong vụ án đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/6/2022) là 03 năm 01 ngày với số tiền lãi là 63.058.333 đồng.

* Quá trình giải quyết vụ án bị đơn đều vắng mặt và không có cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Hội đồng xét xử để xem xét.

** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến khi xét xử, nghị án đều đúng theo quy định của pháp luật. Đối với nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết vụ án; riêng bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình, vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án:

+ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Buộc bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Xét thấy, ông Lê Quốc T, sinh năm 1976 và bà Phạm Thị L, sinh năm 1981 (là bị đơn) có địa chỉ tại Thôn 1, xã H, huyện Đ, tỉnh G nên tranh chấp trên được Tòa án nhân dân huyện Đ thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Về nội dung:

[1] Quá trình giải quyết vụ án bị đơn đều vắng mặt và không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để Hội đồng xét xử xem xét.

Căn cứ tài liệu, chứng cứ thể hiện tại “GIẤY VAY TIỀN”, ghi ngày 26/05/2019 do nguyên đơn cung cấp tại hồ sơ vụ án (bút lục 28) thể hiện nội dung như sau: “Hôm nay ngày 26 tháng 05 năm 2019, tôi tên Lê Quốc T, sinh năm 1976, số CMND 230699612 cấp ngày 07/06/2016; vợ tên là Phạm Thị L, sinh năm 1981, CMND số 230699602 cấp ngày 16/08/2017; hiện cư trú tại Thôn 1 - H, Đ - Gia Lai. Vợ chồng tôi có mượn của ông Phạm Văn T, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1966, hiện đang ở Thôn 3, xã Hải Y, huyện Đ, tỉnh G. Để đảo hạn ngân hàng, với số tiền là 210.000.000 (Bằng chữ: Hai trăm mười triệu đồng). Tiền lãi hai bên thỏa thuận và thống nhất với nhau. Vợ chồng tôi hẹn trong vòng 30 ngày, kể từ ngày 26/05/2019 đến ngày 26/06 năm 1019 chúng tôi sẽ hoàn lại số tiền trên và tiền lãi trên theo quy định của pháp luật”. Cuối “GIẤY VAY TIỀN” có “chữ ký” và ghi tên người cho mượn “Phạm Văn T và Nguyễn Thị L” và người mượn tiền “Lê Quốc T và Phạm Thị L”.

Xét thấy, bị đơn vay tiền của nguyên đơn số tiền 210.000.000 đồng và hạn 30 ngày (từ ngày 26/5/2019 đến ngày 26/6/2019) trả hết nợ cho nguyên đơn, nhưng bị đơn không chịu trả số tiền đã vay nêu trên cho nguyên đơn như đã cam kết nên gây thiệt hại cho nguyên đơn nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc đã vay nêu trên là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

Ngoài ra, do bị đơn vi phạm trả nợ gốc là 210.000.000 đồng (bị đơn cam kết trả nợ gốc đến ngày 26/6/2019) nên bị đơn yêu cầu bị đơn trả lãi chậm trả từ ngày 27/6/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/6/2022) với lãi suất 10%/năm, với số tiền lãi là (làm tròn số) là 03 năm 01 ngày với số tiền lãi là 63.058.333 đồng (làm tròn số) là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

Với những phân tích, nhận định nêu trên xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ tổng số tiền là (làm tròn số là) 273.058.333 đồng, gồm: Nợ gốc là 210.000.000 đồng, nợ lãi là 63.058.333 đồng mà bị đơn đã vay tại “GIẤY VAY TIỀN”, ghi ngày 26/05/2019 là có căn cứ theo quy định tại Điều 466, Điều 468 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về án phí:

Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật áp dụng:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 93, 244, 227, 235, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 280, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Về yêu cầu khởi kiện:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Tvà Nguyễn Thị L. Buộc ông Lê Quốc T và bà Phạm Thị L có nghĩa vụ trả nợ cho ông Phạm Văn Tvà Nguyễn Thị L với tổng số tiền là 273.058.333 đồng, gồm: Nợ gốc là 210.000.000 đồng, nợ lãi (làm tròn số) là 63.058.333 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí:

- Buộc ông Lê Quốc T và bà Phạm Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền (làm tròn số) là 13.652.917 đồng.

- Trả lại cho ông Phạm Văn T và Nguyễn Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.250.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0009457 ngày 15 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm. Riêng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Đoàn Xuân Hòa